

Bản án số: 188/2024/DS-PT
Ngày 08/8/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Nhiên

Bà Hoàng Thị Thu Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:**
Ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2024/DS-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân Tp. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 201/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị S**, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: **số G N, khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Chí N**, sinh năm 1986; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: **khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.**

Bị đơn: Ông **Lê Minh H**, sinh năm 1976; (vắng mặt)

Địa chỉ: **Số A, Đường N, Khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Mai Hồng H1**, sinh năm 1969; (có mặt).

Địa chỉ: **ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Trương Duy H2**, sinh năm 1993; Địa chỉ: **số G N, khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang** (có đơn xin vắng mặt);

2/ Ông **Trương Duy C**, sinh năm 1959 (chồng bà **S**); Địa chỉ: **ấp X, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang** (có đơn xin vắng mặt);

Người kháng cáo: Ông **Lê Minh H** - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại bản tự khai và các ý kiến có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn theo ủy quyền ông **Nguyễn Chí N** trình bày:

Nguyên vào ngày 01/8/2018; ngày 28/12/2018 và ngày 01/8/2021 bà **S** cho ông **Lê Minh H** vay tổng số tiền 25.000.000.000 đồng, ông **H** tự viết biên nhận, theo đó lãi suất 1,8% (biên nhận 28/12/2018) và 1,5%/tháng (biên nhận ngày 01/8/2018 và ngày 01/8/2021), thời hạn vay được thỏa thuận là cứ mỗi tháng ông **H** thanh toán tiền lãi đầy đủ cho bà **S**, thì sẽ tiếp tục cho ông **H** vay tiếp, nếu không đóng lãi thì sẽ hoàn trả lại vốn.

Ông **H** gửi cho bà **S** ba giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin, có số BC093111 do **UBND huyện P** cấp ngày 22/12/2010; số BH 903912 do **UBND huyện P** cấp ngày 02/12/2011; số BC 178379 do **UBND huyện P** cấp ngày 08/8/2011. Ông **H** đóng lãi đầy đủ, đến ngày 01/04/2023 thì ngưng đóng lãi đối với các khoản vay trên.

Tại phiên tòa phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị giải quyết: Buộc ông **Lê Minh H** hoàn trả cho bà **Vũ Thị S** số tiền vay 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng). Đồng thời trả tiền lãi theo quy định pháp luật, tạm tính từ ngày 01/4/2023 đến ngày khởi kiện là 11 tháng, $25.000.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 11 \text{ tháng} = 4.565.000.000 \text{ đồng}$ (Bốn tỷ, năm trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Đối với 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông **H** giao cho bà **S**, bà sẽ hoàn trả cho ông **H** khi nhận đủ tiền mà ông **H** đã nợ.

*** Đại diện theo ủy quyền của ông Lê Minh H, ông Mai Hồng H1 trình bày:**

Thừa nhận hiện ông **Lê Minh H** còn nợ bà **Vũ Thị S** số tiền 25.000.000.000đ theo ba biên nhận mà ông **H** đã ký ngày 01/8/2018; ngày 28/12/2018 và ngày 01/8/2021. Ông **H** đã đóng lãi cho bà **S** đến tháng 4/2023 thì ngưng đóng lãi do khó khăn về kinh tế.

Tại phiên tòa đồng ý trả số tiền nợ gốc 25.000.000.000 đồng cho bà **S**, tuy nhiên ông **H** không đồng ý tính lãi suất 1,66%/tháng trên số tiền nợ gốc, ông **H** đề nghị tính lãi suất 1%/tháng trên nợ gốc, đồng thời xin thời hạn 6 tháng để bán tài sản trả nợ. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tính lại phần tiền lãi mà ông **H** đã đóng tiền lãi suất 1,8%/tháng đối với vốn gốc 5.000.000.000đ trừ vào phần vốn gốc.

Thông nhất việc bà **S** tiếp tục giữ 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông **H** không có yêu cầu phản tố đòi lại giấy chứng nhận QSD đất trong vụ án này.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2024/DS-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân Tp. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Vũ Thị S** đối với ông **Lê Minh H**.
2. Buộc ông **Lê Minh H** có nghĩa vụ hoàn trả trả cho bà **Vũ Thị S** số tiền 29.544.959.000đ (hai mươi chín tỷ, năm trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi chín nghìn đồng)

Bà **Vũ Thị S** tiếp tục giữ 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 903912 diện tích 4.714m² thuộc thửa số 14, tờ bản đồ 45 tọa lạc **ấp B, xã C, thành phố P** do **Ủy ban nhân dân huyện P** cấp ngày 28/12/2011; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 093111 diện tích 166,6m² thuộc thửa số 188, tờ bản đồ 26 tọa lạc **khu phố F, phường D, thành phố P** do **Ủy ban nhân dân huyện P** cấp ngày 22/10/2010; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 178379 diện tích 87,4m² thuộc thửa số 91, tờ bản đồ 71 tọa lạc **đường N, khu phố H, phường D, thành phố P** do **Ủy ban nhân dân huyện P** cấp ngày 03/8/2011 nhằm đảm bảo cho khoản vay. Bà **S** hoàn trả cho ông **H** 03 giấy chứng nêu trên khi nhận đủ số tiền mà **H** trả nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và bảo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

*** Ngày 16/5/2024 bị đơn anh Lê Minh H** kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Cho anh trả chậm trong thời gian 06 tháng.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt: Yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các

chứng cứ; ý kiến của đại diện theo ủy quyền của bị đơn; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không có đơn kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét theo chứng cứ trong hồ sơ thể hiện việc ông **H** thừa nhận còn nợ tiền vay gốc của bà **S** 25.000.000.000 đồng là có thật (bút lục 9,10,11,30). Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông **H** trả nợ vay gốc và tính lại tiền lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 9 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm là phù hợp pháp luật. Nay ông **H** kháng cáo xin trả nợ dần trong thời hạn 06 tháng, theo quy định của pháp luật Hội đồng xét xử không ấn định thời gian trả nợ trừ trường hợp các bên thỏa thuận. Do đó, không có cơ sở pháp lý chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn.

Từ cơ sở nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông **H**; chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm, phía ông **H** phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông **Lê Minh H.**

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2024/DS-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân Tp. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, 468, 469 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 4 Điều 26, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Vũ Thị S** đối với ông **Lê Minh H.**
2. Buộc ông **Lê Minh H** có nghĩa vụ hoàn trả trả cho bà **Vũ Thị S** số tiền 29.544.959.000đ (hai mươi chín tỷ, năm trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Bà **Vũ Thị S** tiếp tục giữ 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 903912 diện tích 4.714m² thuộc thửa số 14, tờ bản đồ 45 tọa lạc **ấp B, xã C, thành phố P** do **Ủy ban nhân dân huyện P** cấp ngày 28/12/2011; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 093111 diện tích 166,6m² thuộc thửa số 188, tờ bản đồ 26 tọa lạc **khu phố F, phường D, thành phố P** do **Ủy ban nhân dân huyện P** cấp ngày 22/10/2010; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 178379 diện tích 87,4m² thuộc thửa số 91, tờ bản đồ 71 tọa lạc **đường N, khu phố H, phường D, thành phố P** do **Ủy ban nhân dân huyện P** cấp ngày 03/8/2011 nhằm đảm bảo cho khoản vay. Bà **S** hoàn trả cho ông **H** 03 giấy chứng nêu trên khi nhận đủ số tiền mà **H** trả nợ.

4. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông **H** có nghĩa vụ phải chịu nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 137.544.959 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi bốn ngàn chín trăm năm mươi chín đồng).

Nguyên đơn bà **S** không phải chịu nộp tiền án phí sơ thẩm, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà **S** đã nộp 69.415.000 đồng theo biên lai thu số 0006820 ngày 28/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông **H** phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông **H** đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000223 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND Tp. Phú Quốc;
- CCTHADS Tp. Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Lâm Sơn

Thẩm phán

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

L

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND Tp. Rạch Giá;
- CCTHADS Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Lâm Sơn

Thẩm phán HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM Thẩm phán Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Lâm S1

